



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 09.54...../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi 18 giờ 30, ngày 09 tháng 05 năm 2023.

Tại: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Địa chỉ: Số 19 Trần Quang Khải, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng Cơ sở 2 - Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Ông (Bà): Nguyễn Thị Minh Bình Chức vụ: KT

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Văn Huy Chức vụ: Đội trưởng

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty CP tư vấn CM

Ông (Bà): Chu Khang Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Đời không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	K1-PS2	Khu vực tầng bệnh viện	
2.	K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải	
3.	K3-PS2	Khu vực ngoài hàng rào bệnh viện thu	
4.		vic lân cận số 1	
5.	K4-PS2	Khu vực ngoài hàng rào bệnh viện thu	
6.		vic lân cận số 2	
7.	K5-PS2	Khu vực phòng Xquang	
8.	K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m	
9.	K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m	
10.	NT-PS2	Nước thải tại vị trí xả nước thải sau xử	
11.		lý của bệnh viện	
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


BÁC SĨ CKI
Nguyễn Thị Minh Bình

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Nguyễn Văn Huy

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Vũ Hoàng Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L177 - 6012 /KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở 2 –
Phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KLV.230509.11; KLV.230509.12
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS2	K2-PS2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2012/BTNMT	29,0	29,5	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%RH		77,3	77,1	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,6	0,7	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	58,1	56,3	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,15	0,17	8 ⁽³⁾
6	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704.A	0,16	0,18	10
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,11	0,13	10
8	CO ₂	mg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	9.600	630	18.000 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện;	2308579	0592651
K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải.	2308612	0592676

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + ⁽⁴⁾QĐ3733:2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L.177.1-6012/KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở 2 - Phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.230509.13; KXQ.230509.14.
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/ BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2012/BTNMT	28,4	27,0	-
2.	Độ ẩm	%RH		76,1	74,5	-
3.	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,4	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,1	54,0	70 ⁽¹⁾
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	72	84	300
6.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
7.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	48	53	200

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyền

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 873 - 6012 /KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở 2 –
Phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.230509.13; KXQ.230509.14.
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1	CO ₂ [#]	µg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	612.000	610.000	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

- (#): Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và không được quy định tại thông tư 10:2021/TT-BTNMT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L 177.2 - 6012 /KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở 2 –
Phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
Mã mẫu : KLV.230509.15; KLV.230509.16; KLV.230509.17.
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 29:2016/BYT
				K5-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	1,02	10 ⁽¹⁾

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K6-PS2	K7-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,14	0,11	0,5 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K5-PS2	Khu vực phòng Xquang;	2308593	0592674
K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m;	2308603	0592675
K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m.	2308587	0592673

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 29:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bức xạ ion hóa - giới hạn liều tiếp xúc bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

(1): Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ

(2): Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận)

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn H.

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K7-P82	K8-P82	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	Asv/h	QCVN 29:2016/BYT	1.02		10 ^h
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	Asv/h	QCVN 29:2016/BYT	0.14	0.11	0.2 ^h

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K7-P82	Khu vực lân cận cách 50m	2308287	0202673
K8-P82	Khu vực lân cận cách 30m	2308603	0202672
K5-P82	Khu vực phòng X-quang	2308393	0202674

1) Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

2) Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận).

3) Lưu ý: ngày... tháng... năm 2023

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

72106YT-NTT
72106YT-NTT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 874 - 6012 /KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở 2 - Phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.230509.18
 Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,62	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	390	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	13	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	32	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,13 ^a	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	1,74	36	36
8.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,28	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	<0,13 ^a	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,07 ^a	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,7 ^a	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,12	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.100	3.000	3.000
15.	Salmonella*	VK/100mL	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*		SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*		SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại vị trí xả nước thải sau xử lý của bệnh viện	2308649	0592786

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

Cmax: Nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “VK”: Vi khuẩn.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày ...25... tháng ...5..... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 2

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00990/2023/PKQ (23.444)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTS L2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



1. Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
2. Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
3. Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
4. Ngày nhận mẫu: : 10/05/2023
5. Thông tin về các mẫu :

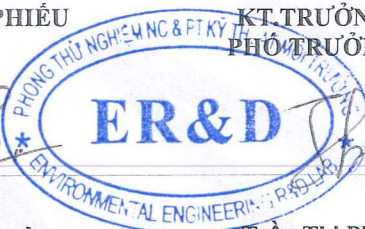
TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2305.0031	625.NT001/NT.230509.18	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Hạnh



KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Phương Hoa



Lý Hồng Quân



1. Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

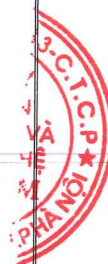
(Mã hóa mẫu: NT2305.0031)

625.NT001/NT.230509.18

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

